

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-ST

Ngày 22-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Viết Thiệu

Ông Trịnh Bá Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:
Bà Thiều Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa công khai sơ thẩm xét xử vụ án hình sự thụ lý số 137/2023/TLST-HS ngày 06-12-2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Công H; tên gọi khác: Không; sinh năm 1991; giới tính: Nam; ĐKTT: 19/11/163 N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; học vấn: 7/12; con ông Trần Công L, sinh năm 1956; con bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1959; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Trần Thị Thu H1, sinh năm 2000; có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04-10-2023, đến ngày 07-10-2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Họ và tên: Nguyễn Thanh L2; tên gọi khác: Không; sinh năm 1996; giới tính: Nam; ĐKTT: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1970; gia đình có 02 anh em, bị cáo con là thứ hai; vợ: Đỗ Kim C, sinh năm 2004; có 01 con, sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án HSST số 48 ngày 26-10-2015 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt Nguyễn Thanh L2 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản

1 điều 194 BLHS (Đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29-9-2023 đến ngày 06-11-2023 bị cáo được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh.

3.Họ và tên: Đỗ Vinh P; tên gọi khác: Không; sinh năm 1997; giới tính: Nam; ĐKTT: Số E khu D tầng đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; học vấn:10/12; con ông Đỗ Việt Q, sinh năm 1974 (đã chết) và bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1975; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04-10-2023, đến ngày 07-10-2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Hoài A, sinh năm 1984; trú tại: Tổ dân phố số D, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1974; trú tại: Đội 2, xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

3. Anh Vũ Văn Q1, sinh năm 1996; trú tại: Xóm Lưu Loan, xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

4. Chị Vương Thị C1, sinh năm 1978; trú tại: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

5. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988; trú tại: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

6.Chị Lê Thị H2, sinh năm 1992; trú tại: xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

7. Anh Vũ Đức T2, sinh năm 1998; trú tại: Xóm Nguyễn Quát, xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

8. Anh Vũ Văn N1, sinh năm 1991; trú tại: Đội 11, xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

9. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1976; trú tại: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

10. Anh Đinh Xuân T3, sinh năm 1985; trú tại: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

11. Ông Phạm Văn T4, sinh năm 1963; trú tại: Tổ dân phố số C, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định

12. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1983; trú tại: Tổ dân phố số C, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định

13. Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1992; trú tại: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

14.Anh Vũ Ngọc T5, sinh năm 1990; trú tại: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 20-7-2020 Vũ Văn M, sinh năm 1984, trú tại số H L, phường T, thành phố N đã thuê nhà của anh Đỗ Văn H4, sinh năm 1972 tại tổ dân phố số A, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định để mở cơ sở kinh doanh Minh Thắng “Mua bán, trao đổi ô tô, xe máy, điện thoại, máy tính, đồ gia dụng, cho thuê xe ô tô, xe máy tự lái” hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 07J001361 ngày 30-9-2020. Quá trình hoạt động kinh doanh, M thuê Trần Công H làm quản lý cửa hàng và giao dịch với khách hàng. Sau đó khoảng 3 tháng, H góp vốn cùng M số tiền 300.000.000 đồng để kinh doanh chung. Đến tháng 6-2021 do hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, M đã rút vốn làm ăn và chuyển lại giấy phép kinh doanh cho H tiếp tục làm. Tháng 7-2022 H thuê nhà và chuyển địa điểm kinh doanh đến nhà của bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1970 địa chỉ xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và thuê ở đó. Ngày 29-7-2022 H được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 07J003514 đứng tên Hòa với ngành nghề kinh doanh mua bán, trao đổi ô tô, xe máy, điện thoại, máy tính, đồ gia dụng, cho thuê xe ô tô, xe máy tự lái. Từ tháng 7-2021 trên danh nghĩa kinh doanh như đã đăng ký, H còn thực hiện hoạt động cho vay tiền với lãi suất từ 3.000đ/1triệu/1ngày đến 4.000đ/1triệu/1ngày nhằm thu lợi bất chính. H thuê Nguyễn Thanh L2 và Đỗ Vinh P để giao dịch thỏa thuận tiền vay, lãi suất, xác minh thông tin khách hàng rồi báo cho H để H chuyển tiền cho vay, đồng thời L2 và P hướng dẫn khách viết giấy biên nhận vay tiền, ghi chép sổ sách theo dõi thông tin người vay, tiền vay, tiền lãi, ngày đóng lãi; có trách nhiệm đôn đốc, gọi điện, nhắn tin hoặc trực tiếp gặp người vay yêu cầu trả tiền lãi đúng hạn. Khách trả tiền lãi trực tiếp bằng tiền mặt cho L2, P, H hoặc có thể chuyển khoản vào tài khoản của H. Số tiền lãi hàng ngày L2 và P thu được đều bàn giao lại cho H quản lý. H trả công cho mỗi người 8.000.000đ/tháng. Ngày 28-9-2023 Tổ công tác liên ngành theo quyết định 44/QĐ-UBND ngày 07-01-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh N kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động dịch vụ tài chính trên địa bàn tỉnh Nam Định tại cơ sở kinh doanh “Minh Thắng” của H phát hiện việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại cơ sở. Do Trần Công H và Đỗ Vinh P không có mặt tại cơ sở kinh doanh, sau khi biết cơ sở kinh doanh của mình bị kiểm tra, H và P đã trốn tránh đi khỏi địa phương. Đến ngày 04-10-2023 H; P đến Công an tỉnh N đầu thú. H, L2, P đã thực hiện việc cho vay không có thể chấp hoặc cho vay thế chấp có tài sản với lãi suất cao với 14 người vay. Cụ thể như sau:

1. Chị Lê Hoài A, sinh năm 1984, trú tại: tổ dân phố số D, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định:

- Lần 1: Ngày 14-4-2023 chị A đến cơ sở “Minh Thắng” gặp Trần Công H vay số tiền 50.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày, hai bên thỏa thuận cứ

10 ngày trả lãi một lần. Đến ngày 15-5-2023 chị A đã trả lãi 1 tháng (3 lần) với tổng số tiền là 6.000.000đ. Theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (BLDS), lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay (tức là tiền gốc). Như vậy, tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này trong 1 tháng là $(50.000.000đ : 12 \text{ tháng} \times 20\%) = 833.333đ$. Tiền thu lợi bất chính là $6.000.000đ - 833.333đ = 5.166.667$ đồng.

- Lần 2: Ngày 17-4-2023 chị A tiếp tục vay của H số tiền 40.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày. Đến ngày 17-5-2023 chị A đã trả tiền lãi trong 1 tháng là 4.800.000đ. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1năm) của khoản vay này là $(40.000.000đ : 12 \text{ tháng} \times 20\%) = 666.666đ$. Tiền thu lợi bất chính là $4.800.000đ - 666.666đ = 4.133.334$ đồng.

- Lần 3: Ngày 28-4-2023 chị A tiếp tục vay của H số tiền 45.000.000đ cũng với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 18-5-2023 chị A đã trả tiền lãi trong 20 ngày là 3.600.000đ. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(45.000.000đ : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 20\% \times 20 \text{ ngày} = 500.000đ$. Tiền thu lợi bất chính là $3.600.000đ - 500.000đ = 3.100.000đ$ đồng.

- Lần 4: Chị A đã trả 85.000.000 đồng tiền gốc cho H, còn nợ 50.000.000đ và tiếp tục trả lãi đến ngày 28-7-2023 (70 ngày) với số tiền lãi là 14.000.000đ. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(50.000.000đ : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 20\% \times 70 \text{ ngày} = 1.944.444đ$. Tiền thu lợi bất chính là $14.000.000đ - 1.944.444đ = 12.055.556$ đồng.

- Lần 5: Ngày 29-5-2023 chị A đến vay của H số tiền 20.000.000đ với lãi suất như trên và đã trả số tiền lãi trong 2 tháng cho H là 4.800.000đ. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(20.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 2 \text{ tháng} = 666.666đ$. Tiền thu lợi bất chính: $4.800.000đ - 666.666đ = 4.133.334$ đồng.

- Lần 6: Ngày 31-5-2023 chị A đến vay của H số tiền 30.000.000đ với lãi suất trên. Đã trả cho H 2 tháng tiền lãi là 7.200.000đ. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(30.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 2 \text{ tháng} = 1.000.000đ$. Tiền thu lợi bất chính là $7.200.000đ - 1.000.000đ = 6.200.000đ$ đồng.

- Lần 7: Ngày 15-6-2023 chị A tiếp tục vay H số tiền 30.000.000đ với lãi suất như trên. Chị A đã trả cho H số tiền lãi 40 ngày là 4.800.000đ. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(30.000.000đ : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 20\% \times 40 \text{ ngày} = 666.666đ$. Tiền thu lợi bất chính là $4.800.000đ - 666.666đ = 4.133.334$ đồng.

- Lần 8: Ngày 22-6-2023 chị A đến vay H số tiền 20.000.000đ với lãi suất như trên. Chị A đã trả cho H số tiền lãi trong 40 ngày là 3.200.000đ. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(20.000.000đ : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 20\% \times 40 \text{ ngày} = 444.444đ$. Tiền thu lợi bất chính là $3.200.000đ - 444.444đ = 2.755.556$ đồng.

- Lần 9: Ngày 03-8-2023 chị A đã trả cho H tiền gốc là 150.000.000đ và trả lãi các khoản vay 50.000.000đ trong 5 ngày, khoản vay 30.000.000đ trong 8 ngày và khoản vay 30.000.000đ trong 3 ngày đều chưa đến hạn là 6.000.000đ. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1năm) của khoản vay này $[(50.000.000đ : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 20\% \times 5 \text{ ngày}] + [(30.000.000đ : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 20\% \times 8 \text{ ngày}] + [(30 \text{ triệu tiền gốc} : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 20\% \times 3 \text{ ngày}] = 322.221đ$. Tiền thu lợi bất chính là $6.000.000đ - 322.221đ = 5.677.779$ đồng.

- Lần 10: Ngày 29-8-2023 chị A vay của H số tiền 10.000.000đ với lãi suất như trên. Chị A đã trả cho H tiền lãi trong 30 ngày là 1.200.000đ. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(10.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% = 166.666đ$. Tiền thu lợi bất chính: $1.200.000đ - 166.666đ = 1.033.334$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị A vay của H là 245.000.000 đồng, chị A đã trả cho H 235.000.000 đồng tiền gốc; còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi chị A đã trả cho H từ các khoản vay là 55.600.000 đồng, trong đó, tổng số tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất theo pháp luật mà H được hưởng là: 7.211.106 đồng, tổng số tiền H thu lợi bất chính là: 48.388.894 đồng.

2. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1974, trú tại: đội B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 06-9-2021 qua chị Đinh Thị H5, trú tại: xóm B, xã H, huyện H dẫn đến cơ sở “Minh Thắng” của H, chị T đã gặp L2 vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước 15 ngày là 1.200.000đ, cứ 15 ngày đóng lãi một lần. Chị T viết giấy biên nhận và cầm số tiền 18.800.000đ từ L2. Đến ngày 21-9-2023 chị T đã trả lãi được 48 lần tương đương 24 tháng với tổng số tiền 57.600.000đ và chưa trả tiền gốc. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(20.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 24 \text{ tháng} = 8.000.000đ$. Tiền thu lợi bất chính: $57.600.000đ - 8.000.000đ = 49.600.000đ$ đồng.

3. Anh Vũ Văn Q1, sinh năm 1996, trú tại: xóm L, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Do có quen biết từ trước với H và L2, tháng 2-2023 anh Q1 đến gặp L2 tại cơ sở “Minh Thắng” ở thị trấn Y, huyện H vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, cắt lãi 15 ngày là 1.200.000đ và 15 ngày sau đóng lãi một lần. Sau khi viết giấy biên nhận, L2 đưa cho anh Quân số tiền 18.800.000đ. Đến ngày 02-9-2023 anh Q1 trả lãi được 14 lần tương đương 7 tháng với tổng số tiền 16.800.000đ, chưa trả tiền gốc. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là: $(20.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 7 \text{ tháng} = 2.333.333đ$. Tiền thu lợi bất chính là $16.800.000đ - 2.333.333đ = 14.466.667$ đồng.

4. Chị Vương Thị C1, sinh năm 1978, trú tại: xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

Ngày 28-6-2022 chị C1 nhờ chị Đinh Thị H5, sinh năm 1990, trú tại: xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định dẫn đến cơ sở “Minh Thắng” ở thị trấn Y của H vay

số tiền 20.000.000đ, lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước 15 ngày là 1.200.000đ và 15 ngày sau đóng lãi một lần. Sau khi viết giấy theo mẫu in sẵn của H, H chuyển vào tài khoản của chị H5 để chuyển cho chị C1 số tiền 18.800.000đ. Đến ngày 28-9-2023 chị C1 đã trả lãi 15 tháng với tổng số tiền 36.000.000đ và chưa trả tiền gốc. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(20.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 15 \text{ tháng} = 5.000.000đ$. Tiền thu lợi bất chính: $36.000.000đ - 5.000.000đ = 31.000.000 \text{ đồng}$.

5. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988, trú tại: xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

Ngày 25-3-2023 anh T1 đến cơ sở “Minh Thắng” của H gặp V và L2 vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1triệu/1ngày, cắt lãi trước 10 ngày bằng 600.000đ và 10 ngày sau tiếp tục trả lãi một lần. Anh T1 viết giấy biên nhận và nhận số tiền 19.400.000đ do P đưa. Đến ngày 25-9-2023 anh T1 đã trả lãi được 18 lần tương đương 6 tháng với tổng số tiền 10.800.000đ và đã trả tiền gốc. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(20.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 6 \text{ tháng} = 2.000.000đ$. Tiền thu lợi bất chính: $10.800.000đ - 2.000.000đ = 8.800.000 \text{ đồng}$.

6. Chị Lê Thị H2, sinh năm 1992, trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

Ngày 28-6-2022 chị H2 đến gặp H và L2 hỏi vay số tiền 30.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày, cắt lãi trước 15 ngày là 1.800.000đ và 15 ngày sau trả lãi một lần. Chị H viết giấy biên nhận và để lại căn cước công dân cùng sổ hộ khẩu cho H. Sau đó H sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển khoản cho chị H2 số tiền 28.200.000đ. Đến ngày 21-9-2023 chị H2 đã trả lãi được 30 lần, tương đương 15 tháng với số tiền 54.000.000đ và chưa trả tiền gốc. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là: $(30.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 15 \text{ tháng} = 7.500.000đ$. Tiền thu lợi bất chính: $54.000.000đ - 7.500.000đ = 46.500.000 \text{ đồng}$.

7. Anh Vũ Đức T2, sinh năm 1998, trú tại: xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

Ngày 21-12-2021 anh T2 đến gặp L2 vay số tiền 10.000.000đ thỏa thuận lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày, cắt lãi trước 10 ngày bằng 400.000đ và 10 ngày sau trả lãi một lần. L2 yêu cầu anh T2 viết hợp đồng mua bán xe theo mẫu in sẵn và để lại chứng minh nhân dân, đăng ký xe Vision biển số 18H1-498.82 mang tên Vũ Đức T2. Sau đó, L2 đưa tiền mặt 9.600.000đ cho anh T2. Đến ngày 21-9-2023 anh T2 trả lãi 21 tháng với số tiền 25.200.000đ và chưa trả tiền gốc. Anh T2 chưa lấy lại chứng minh thư nhân dân và đăng ký xe mô tô. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là: $(10.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 21 \text{ tháng} = 3.500.000đ$. Tiền thu lợi bất chính: $25.200.000đ - 3.500.000đ = 21.700.000 \text{ đồng}$.

8. Anh Vũ Văn N1, sinh năm 1991, trú tại: đội A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

Ngày 17-7-2023 anh N1 đến gặp H cầm cố xe mô tô biển số 18H1-40956 với số tiền 11.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày. H đưa cho anh N1 hợp

đồng mua bán xe đã đánh sẵn cho anh N1 viết sau đó đưa cho H. Cứ 10 này anh N1 trả lãi một lần với số tiền 440.000đ. Anh N1 đã trả được 7 lần tương đương 70 ngày với tổng số tiền lãi trả đến ngày 27-9-2023 là 3.080.000đ. Xe mô tô biển số 18H1-40956 của anh N1 hiện đang bảo quản tại kho vật chứng của cơ quan điều tra. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là: $(11.000.000đ : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 20\% \times 70 \text{ ngày} = 427.777đ$. Tiền thu lợi bất chính: $3.080.000đ - 427.777đ = 2.652.222 \text{ đồng}$.

9. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1976, trú tại: xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 27-5-2023 anh Đ gọi điện cho L2 hỏi vay số tiền 10.000.000đ, L2 đồng ý và dẫn anh Đ đến gặp H vay số tiền 10.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày. Cứ 15 ngày anh Đ trả lãi một lần. H hướng dẫn anh Đ viết giấy biên nhận và đưa cho anh Đ số tiền 9.400.000đ (đã cắt lãi 600.000đ của 15 ngày đầu). Đến nay, anh Đ đã trả cho H được 8 lần tiền lãi trong 4 tháng với tổng số tiền 4.800.000đ và chưa trả tiền gốc. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là: $(10.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 4 \text{ tháng} = 666.666đ$. Tiền thu lợi bất chính: $4.800.000đ - 666.666đ = 4.133.334 \text{ đồng}$.

10. Anh Đinh Xuân T3, sinh năm 1985, trú tại: xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

Ngày 27-02-2023 anh trường gọi điện thoại cho L2 hỏi vay tiền, sau đó, H và L2 đến nhà anh T3 đồng ý cho anh T3 vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày. H đưa cho anh T3 14.100.000đ và cắt lãi luôn 15 ngày đầu tiên. Đến nay anh T3 đã trả được 14 lần tiền lãi tương đương 7 tháng với tổng số tiền 12.600.000đ và chưa trả tiền gốc. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là: $(15.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 7 \text{ tháng} = 1.750.000đ$. Tiền thu lợi bất chính là $12.600.000đ - 1.750.000đ = 10.850.000 \text{ đồng}$.

11. Ông Phạm Văn T4, sinh năm 1963, trú tại: tổ dân phố số C, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định

- Lần thứ nhất: ngày 01-5-2023 ông T4 đến cơ sở “Minh Thắng” gặp L2 vay số tiền 5.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày. L2 hướng dẫn ông T4 viết giấy vay và hẹn cứ 15 ngày trả lãi một lần với số tiền 300.000đ. Tổng số tiền lãi ông T4 đã trả đến ngày 01-7-2023 là 1.200.000đ. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(5.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 2 \text{ tháng} = 166.666đ$. Tiền thu lợi bất chính: $1.200.000đ - 166.666đ = 1.033.334 \text{ đồng}$.

- Lần thứ hai: ngày 01-7-2023 ông T4 tiếp tục vay của L2 số tiền 5.000.000đ với lãi suất như trên. Ông T4 đóng tiền lãi cả hai khoản vay tính đến ngày 01-9-2023 là 2.400.000đ và chưa trả tiền gốc.

Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(10.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 2 \text{ tháng} = 333.333đ$. Tiền thu lợi bất chính: $2.400.000đ - 333.333đ = 2.066.667 \text{ đồng}$.

12. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1983, trú tại: tổ dân phố số C, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định

Ngày 08-5-2023 anh H3 đến cơ sở “Minh Thắng” gặp P, H và L2 hỏi vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 4.000đ/1triệu/1ngày. Theo thỏa thuận, cứ 15 ngày anh H3 trả lãi một lần, anh H3 đã trả tiền lãi đến ngày 08-7-2023 trong thời gian 2 tháng là 3.600.000đ và đã trả tiền gốc. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là: $(15.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 2 \text{ tháng} = 500.000đ$. Tiền thu lợi bất chính: $3.600.000đ - 500.000đ = 3.100.000 \text{ đồng}$.

13. Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1992, trú tại: xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 01-8-2022 anh B đến cơ sở “Minh Thắng” gặp H vay số tiền 10.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày. Sau khi viết giấy vay tiền, H cắt lãi 1 tháng đầu tiên là 1.800.000đ và tháng sau anh B trả kỳ lãi tiếp theo. Tổng số tiền lãi anh B đã trả đến ngày 01-9-2023 trong 13 tháng là 15.600.000đ và chưa trả tiền gốc. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là $(10.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 13 \text{ tháng} = 2.166.666đ$. Tiền thu lợi bất chính: $15.600.000đ - 2.166.666đ = 13.433.334 \text{ đồng}$.

14. Anh Vũ Ngọc T5, sinh năm 1990, trú tại: xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 04-11-2022 anh T5 đến cơ sở “Minh Thắng” của H để vay số tiền 10.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày. Hai bên thỏa thuận cứ 10 ngày anh T5 trả lãi một lần bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của H. Tổng số tiền lãi anh T5 đã trả đến tháng 8-2023 trong 9 tháng là 10.800.000đ và anh T5 đã trả tiền gốc. Tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất (20%/1 năm) của khoản vay này là: $(10.000.000đ : 12 \text{ tháng}) \times 20\% \times 9 \text{ tháng} = 1.500.000đ$. Tiền thu lợi bất chính là: $10.800.000đ - 1.500.000đ = 9.300.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, H đã cho 14 người trên vay tổng số tiền 446.000.000 đồng, người vay đã trả tiền gốc được 280.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi ở mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự H đã chiếm hưởng là 43.055.547đồng. Tổng số tiền H thu lợi bất chính của 14 trường hợp trên là: 267.024.452 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Trần Công H, Nguyễn Thanh L2 và Đỗ Vinh P đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Từ nội dung trên. Cáo trạng số 137/CT-VKS-P3 ngày 29 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Trần Công H, Nguyễn Thanh L2 và Đỗ Vinh P về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo P xin được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc cho gia đình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Đức T2 và anh Vũ Văn N1 đề nghị HĐXX đối trừ số tiền lãi vượt quá 20%/năm của cáo bị cáo vào số tiền gốc còn nợ và số tiền gốc còn nợ lại xin được trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định thực hành quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Công H, Nguyễn Thanh L2 và Đỗ Vinh P phạm tội: “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Xử phạt Trần Công H từ 12 tháng đến 15 tháng tù;

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Xử phạt Nguyễn Thanh L2 từ 9 tháng đến 12 tháng tù;

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 BLHS; Xử phạt Đỗ Vinh P từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo H số tiền gốc 280.000.000 đồng và tiền lãi 20% năm là 43.055.547 đồng để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo H phải trả cho 14 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt quá 20% là 267.024.452 đồng. Buộc 11 người vay chưa trả cho bị cáo H số tiền gốc 166.000.000 đồng phải có nghĩa vụ nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền này.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 3.800.000 đồng thu giữ của bị cáo H, xác định là liên quan đến tội phạm nên cần tuyên tịch thu; 02 điện thoại di động Iphone màu vàng thu giữ của L2 và 01 xe máy Exciter BKS 18H1-40956 thu giữ của Vũ Văn N1 xác định liên quan đến tội phạm nên cần tuyên tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước. Đối với các giấy tờ, tài liệu còn lại liên quan đến vụ án nhưng không còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; các biên bản đối chất và các tài liệu trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trần Công H mở cơ sở kinh doanh Minh Thắng “Mua bán, trao đổi ô tô, xe máy, điện thoại, máy tính, đồ gia dụng, cho thuê xe ô tô, xe máy tự lái” tại xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Lợi dụng danh nghĩa kinh doanh như đã đăng ký, từ tháng 7-2021 đến ngày 28-9-2023 Trần Công H thuê Nguyễn Thanh L2, Đỗ Vinh P làm nhân viên hướng dẫn cho khách hàng vay tiền lấy lãi suất cao và thuê tiền lấy lãi suất cao, trả công 8.000.000đ/tháng. H đã sử dụng số tiền 446.000.000đ cho 14 người vay với lãi suất từ 3.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương 108%/năm đến 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương 144%/năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất do pháp luật quy định ở mức cao nhất là 20%/năm; thu lợi bất chính tổng số tiền là 267.024.452 đồng. Hành vi của Trần Công H, Nguyễn Thanh L2 và Đỗ Vinh P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo qui định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tai tệ nạn trong xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và nền kinh tế cộng đồng cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm liên quan đến tín dụng đen hiện nay. Các bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trong thời điểm hiện nay loại tội phạm liên quan đến tín dụng đen đang có nhiều diễn biến phức tạp, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm nghiêm trọng khác, đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ tập trung xử lý bảo đảm tính nghiêm minh, để kịp thời đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi loại tội phạm này trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo H, P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã ra đầu thú nên HĐXX áp dụng điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Công H, Nguyễn Thanh L2 và Đỗ Vinh P thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

[5] Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Trần Công H là chủ cơ sở kinh doanh, thuê các đối tượng khác về làm việc dưới sự chỉ đạo của bị cáo,

trực tiếp điều hành hoạt động cho vay lãi nặng và quản lý tiền vay, tiền lãi thu về nên giữ vị trí vai trò đầu vụ. Nguyễn Thanh L2 và Đỗ Vinh P là người được H thuê trả công giúp H trong hoạt động cho vay lãi nặng là đồng phạm có vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo H giữ vai trò đầu trong vụ án, bị cáo L2 có nhân thân xấu, HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với hai bị cáo nhằm trừng trị đồng thời giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Đối với bị cáo P sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đồng phạm với vai trò thứ yếu, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với các tiêu chuẩn điều kiện theo hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thấy có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương, cũng đủ sức răn đe giáo dục đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo vừa cải tạo vừa ổn định cuộc sống gia đình, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, thể hiện bản chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc bị cáo H dùng để cho 14 người vay là 446.000.000 đồng, trong đó 11 người vay chưa trả cho bị cáo số tiền gốc là 166.000.000 đồng, số còn lại 280.000.000 đồng xác định là phương tiện phạm tội và khoản tiền lãi 43.055.547 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mặc dù không buộc bị cáo H phải chịu trách nhiệm về hình sự, nhưng xác định là khoản tiền xuất phát từ tội phạm, cần tuyên truy thu của bị cáo để sung quỹ nhà nước. Đối với 166.000.000 đồng tiền gốc hiện 11 người vay chưa trả cho bị cáo, cần buộc những người vay đang quản lý số tiền này có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% mà 14 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trả cho H là 267.024.452 đồng, HĐXX buộc H phải trả lại số tiền này cho 14 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 3.800.000 đồng thu giữ của bị cáo H, xác định là liên quan đến tội phạm nên cần tuyên tịch thu.

- 02 điện thoại di động Iphone màu vàng thu giữ của L2 và 01 xe máy Exciter BKS 18H1-40956 thu giữ của Vũ Văn N1 xác định liên quan đến tội phạm nên cần tuyên tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước.

- Đối với các giấy tờ, tài liệu còn lại liên quan đến vụ án nhưng không còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

[9] Các tình tiết liên quan đến vụ án: Căn cứ nội dung ghi trong 3 quyển sổ thu giữ tại cơ sở kinh doanh “Minh Thắng” do L2 giao nộp, cơ quan điều tra xác định thông tin về 73 người vay tiền, trong đó đã chứng minh được 15 trường hợp

nêu trên, còn lại 58 trường hợp khác cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhiều trường hợp vắng mặt tại địa phương, không tiến hành triệu tập làm việc được hoặc nhiều trường hợp không đầy đủ thông tin xác minh. Do đó không có căn cứ xác định rõ số tiền vay, lãi suất và số tiền lãi mà H đã thu được từ những người này.

Đối với hành vi Trần Công H đã cho anh Trịnh Văn T6, sinh năm 1987, trú tại: xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định vay số tiền 50 triệu đồng từ ngày 15/7/2021 đến ngày 15/11/2021 với lãi xuất 4.000đồng/1 triệu/1 ngày, nhưng số tiền thu lợi bất chính dưới 30 triệu đồng và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ khoản 3 điều 7 Nghị quyết số 01 ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Vũ Văn M làm cùng Trần Công H từ thời gian tháng 2/2021 đến tháng 6/2021, H và M cùng góp vốn làm ăn tại cơ sở kinh doanh “Minh Thắng”, tuy nhiên trong khoảng thời gian này có ít khách nên M đã rút vốn không làm ăn chung với H nữa. Không có tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh được M có hoạt động cho vay thu lãi suất cao, chỉ sau khi M đã rút vốn thì H mới bắt đầu cho khách vay tiền thu lãi suất cao, không đủ căn cứ xử lý đối với M về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” trong vụ án này.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Công H, Nguyễn Thanh L2 và Đỗ Vinh P phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Xử phạt Trần Công H 12 (Mười hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành. (bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04-10-2023 đến ngày 07-10-2023)

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Xử phạt Nguyễn Thanh L2 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành. (bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 29-9-2023 đến ngày 06-11-2023)

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 BLHS; Xử phạt Đỗ Vinh P 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04-10-2023 đến ngày 07-10-2023).

Giao bị cáo Đỗ Vinh P cho UBND phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự; Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ

02 lần trở lên theo quy định của Luật Thi hành án hình sự thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng Điều 47 BLHS.

- Tuyên truy thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc Trần Công H sử dụng để cho vay là 280.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 43.055.547 đồng, tổng là 323.055.547 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu không trăm năm mươi năm nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng)

Buộc Trần Công H trả lại cho:

- Chị Lê Hoài A 48.388.894 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm chín mươi tư đồng)

- Chị Đỗ Thị T 49.600.000 đồng (Bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng)

- Anh Vũ Văn Q1 14.466.667 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

- Chị Vương Thị C1 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng)

- Anh Nguyễn Văn T1 8.800.000 đồng (Tám triệu tám trăm nghìn đồng)

- Chị Lê Thị H2 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)

- Anh Vũ Đức T2 21.700.000 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng)

- Anh Vũ Văn N1 2.652.222 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng)

- Anh Nguyễn Thành Đ 4.133.334 đồng (Bốn triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng)

- Anh Đinh Xuân T3 10.850.000 đồng (Mười triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)

- Ông Phạm Văn T4 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng)

- Anh Nguyễn Văn H3 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng)

- Anh Nguyễn Xuân B1 (Mười ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng)

- Anh Vũ Ngọc T5 9.300.000 đồng (Chín triệu ba trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi

thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền còn nợ các bị cáo, cụ thể:

- Chị Lê Hoài A 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)
- Chị Đỗ Thị T 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)
- Anh Vũ Văn Q1 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)
- Chị Vương Thị C1 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)
- Chị Lê Thị H2 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)
- Anh Vũ Đức T2 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)
- Anh Vũ Văn N1 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng)
- Anh Nguyễn Thành Đ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)
- Anh Đinh Xuân T3 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng)
- Ông Phạm Văn T4 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)
- Anh Nguyễn Xuân B2 đồng (Mười triệu đồng)

5. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 3.800.000 đồng.
- Tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước: 02 điện thoại di động Iphone màu vàng thu giữ của L2 và 01 xe máy Exciter BKS: 18H1-40956 (đã qua sử dụng)

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại trong vụ án.

Biên bản giao nhận vật chứng số 44/12 ngày 02/01/2024 và Ủy nhiệm chỉ số 01 ngày 15/01/2024 giữa Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Công H, Nguyễn Thanh L2 và Đỗ Vinh P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Trần Công H phải nộp 13.351.000 đồng (Mười ba triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng)

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Đức Cảnh